

Thăm nuôi người tù cải tạo

Mỹ Phụng

Cám ơn cô Bãnh và gia đình ở Tây Ninh.

Từ hộp thư 7590 L2 T3 B4, anh viết về:

"Kà Tum 25-8-1976,

Mỹ Phụng yêu thương,

Từ Long Khánh anh được chuyển về Tây Ninh cách đây một tháng. Sáng nay trại cho phép anh viết thư. Anh mừng quá, viết cho em những lời yêu thương nồng nàn của những ngày đầu mình về với nhau...

Rừng Kà Tum, vùng biên giới, nơi toán cải tạo của anh đến "định cư" là một căn cứ mới được thành lập. Nơi đây mặc dù điều kiện vật chất khó khăn, nhưng anh hy vọng và tin rằng đây là giai đoạn cuối cùng trong thời gian học tập cải tạo, trước khi trở về với em, với con. Niềm vui và hy vọng đầu tiên là anh được phép viết thư báo tin người nhà được đi thăm nuôi..."

Kà Tum là địa danh của một khu rừng già nằm dọc theo biên giới Việt - Miên, về hướng Tây và cách thị xã Tây Ninh độ chừng 40 km.

Tháng này trời Kà Tum đang vào cuối mùa mưa. Thỉnh thoảng đâu đó còn để lại các vũng nước màu nâu sậm. Những người tù cải tạo mới đến, phát hoang, phá rừng

để thành lập một khu trại tù cải tạo. Trại là những chòi tranh cất liền nhau, gọi là Lán, tập trung thành từng khu, mang tên, T1, T2, T3,...chạy dọc theo biên giới Việt-Miên.

Nhờ địa thế rừng rậm, sát biên giới cho nên Katum trước kia được cộng sản sử dụng như khu an toàn trong mật khu Dương Minh Châu.

Từ thị xã Tây Ninh chỉ có một con đường đất gập ghềnh duy nhất để cho các xe thồ, xe ôm, xe hàng dã chiến...chế biến từ các xe phế thải,...đưa các hành khách bất đắc dĩ đến khu rừng Katum hẻo lánh, xa xôi này.

Con đường dài không quá 40 km, không bị "Việt cộng đắp mô chặn đường..." thế mà phải mất từ 4 đến 5 tiếng đồng hồ mới gặp được người tù thân yêu.

Nhận được thư anh, tôi mừng vô hạn. Tôi báo tin cho Bá Má tôi biết, tôi được đi thăm chồng. Tôi gửi bé Khôi - thằng bé khi sinh ra không có Cha bên cạnh, nay đã gần tròn nửa năm - cho Bà Ngoại. Tôi quyết định đi thăm anh một mình. Tôi hình dung ra con đường lầy lội, chen chúc trong những chiếc xe ọp ẹp, ngồi cả ngày trời trong cái nắng, cơn mưa,.. chắc chắn bé Khôi, con của anh không chịu được.

Tôi thức dậy sớm, ra bến xe Trà Vinh, lấy vé đi Sài Gòn. Khi đổi chuyển xe từ Sài Gòn về đến Tây Ninh, trời đã sụp tối. Trong lúc tìm nơi nghỉ trọ, tôi chót nhớ đến một cô bạn thân, trước kia cùng chung học tại trường Trung Học Vĩnh Bình, có chồng Tây Ninh. Tôi tìm đến nhà cô bạn. Cô bạn không có ở nhà, nhưng có bà mẹ chồng. Bà vui lòng cho tôi tá túc qua đêm khi nghe tôi kể chuyện đi thăm anh ở trại tù Katum. Sáng hôm sau, cô em chồng của cô bạn chở tôi ra bến xe. Ngang qua khu chợ tuy còn lờ mờ tối, nhưng đã có nhiều người rộn ràng bày hàng và người mua hàng qua lại, tôi ghé mua thêm hai xâu bánh dứa, cái bánh mà anh và tôi vẫn thường thích ăn. Nhớ lại những ngày cuối tuần, từ Sài Gòn anh về Trà Vinh thăm tôi, khi xe đò ghé lại Vũng Liêm, anh mua vài xâu đem về

làm quà cho tôi.

Trên bãi đã có đậu sẵn 3 chiếc xe, ghi bảng Tây Ninh – Katum, dành riêng cho khách thăm nuôi tù cải tạo. Đó là ba chiếc xe loại nhỏ, phòng lái chỉ đủ cho tài xế và một người khách. Phía sau là một cái thùng trống. Trong thùng, có 2 cái băng dài, đóng chặt vào thành xe và một cái băng giữa, thả lỏng. Loại xe chỉ dùng để chuyển chở hành khách trên các đoạn đường ngắn, ở những vùng hẻo lánh.

Mặt trời vừa ló dạng ở phương Đông. Những tia nắng sớm, lung linh thật nhẹ nhàng, xuyên qua những tàn cây, dường như còn mang chút sương mù của đêm qua.

Thật ra, đây là một phần của công viên ngày xưa...Nay vì không có người chăm sóc nên công viên bị bỏ hoang, cây cỏ mọc lan tràn. Cộng sản đã dùng khu công viên cũ này như bãi đậu xe, đặc biệt dành riêng cho hành khách đi thăm nuôi thân nhân tại trại tù cải tạo Katum.

Khi bước vào bãi, tôi thấy mấy người cùng cảnh ngộ như tôi, tụ tập khá đông. Một số đã vào ngồi trong xe; số khác còn đang quây quần chung quanh một cái bàn nhỏ. Trên bàn có một miếng gỗ, ghi hàng chữ màu đỏ: Trạm Kiểm Soát.

Họ đến đó để trình giấy đi đường và giấy phép thăm nuôi.

Hai bàn tay xách hai cái giỏ thức ăn vừa đủ nặng, trong đó lon guigoz đựng đường, món ăn duy nhất anh dặn dò tôi cố gắng đem theo, tôi bước vội đến xếp hàng, đứng chờ đến phiên mình trình giấy tờ.

“ – Chồng chị ở T nào ? ”

Tôi nghe giọng của người đàn bà gốc miền Bắc ở phía sau hỏi vọng tới. Tôi quay lại, hơi ấp úng, nhưng cuối cùng tôi cũng cố tươi cười thân thiện:

“ – T3, B4. Còn chị, ảnh ở trại nào?”

“ – T2, B2 ”

Thấy cái vẻ lúng túng của tôi, chị hỏi thăm dò:

“ - Lần đầu chị đi thăm chồng phải không?”

Tôi gạt đầu.

Người đàn bà đứng phía trước tôi bước lên xe, tôi cũng chen chân theo, tìm một chỗ ngồi ở cái băng hàng bên trái xe. Không mấy chốc, xe đầy khách. Những mẫu chuyện trao đổi của những người đi thăm nuôi không cùng lứa tuổi, không cùng giọng phát âm, nhưng tôi cảm nhận ở họ cùng có chung cùng tâm trạng với tôi. Họ tỏ ra thân mật với nhau một cách nhanh chóng, dễ dàng, như có một định mệnh nào đó đã đưa họ đến đây để cùng chia sẻ số phận.

Chiếc xe chở đầy khách mà đa số là đàn bà, ì ạch rời thị xã, lắc lư chạy trên con đường đất lồi lõm, đầy ổ gà ngập nước mưa.

Gần giữa trưa, xe dừng lại ở ngã ba Đồng Bang. Ngã ba bình thường là tụ điểm của trục lộ giao thông, xe qua xe lại, người lên kẻ xuống, hàng quán rộn ràng,...nhưng ngã ba Đồng Bang ở đây không có cái sắc thái sầm uất nhộn nhịp đó. Ngã ba Đồng Bang thật vắng lạnh. Ngã ba buồn thiu như đang đi vào cõi chết.

Ở góc đường bên tay phải, tôi thấy chỉ có một quán tranh lụp xụp. Trước cửa treo lủng lẳng một nải chuối, vỏ từ màu vàng sậm đã bắt đầu ngả dần qua màu đen, mà không thấy người bán hàng.

Phía trước mặt, phía bên trái, là con đường mòn đất nhỏ, dẫn đến các trại tù cải tạo nằm sâu trong rừng.

Xe tiếp tục bò lên phía trước. Trên một đoạn đường, cách ngã ba Đồng Bang ở phía sau độ chừng 5 hoặc 6 km, xuất hiện một đoàn tù cải tạo đi thành hàng dọc theo lề đường. Cứ cách 7, 8 người tù, có một người lính cộng sản tay cầm súng đi canh chừng bên cạnh. Khi chiếc xe chạy ngang qua, những người tù len lén nhìn lên và nhìn theo chiếc xe như để tìm thân nhân.

“ – Đây là trại T3, có ai xuống không? ”

Người tài xế cho xe chạy chậm lại và quay ra phía sau la lớn.

“ - Dạ có. ”

Có hai ba tiếng trả lời đồng loạt.

Xe dừng lại bên đường.

Hai người đàn bà ngồi đối diện và tôi cùng bước xuống xe.

Người tài xế lấy mấy giỏ hành lý đặt xuống đất, rồi tiếp tục chạy đến các “ T ” khác.

Một chị gánh 2 cái cần xé thức ăn, dường như đã quen, băng qua đường, rời con lộ chính, bước vào con đường mòn cỏ mòn, đi nhanh về khu rừng trước mặt. Tôi và người đàn bà thứ hai bước theo.

Băng qua một lùm cây, rồi một khoảng trống dài, xuất hiện trước mặt tôi một căn nhà tranh.

Cả ba chúng tôi, cùng với hành lý, theo hướng chỉ dẫn của người lính đứng bên ngoài căn nhà, đi vào bên trong. Căn nhà được dựng bằng mấy cột tre và cái nóc tranh. Bốn vách tranh chỉ cao khỏi mặt đất chừng 1 thước. Phần còn lại để trống. Căn nhà là trạm tiếp tân của trại tù.

Giữa căn nhà có một cái bàn gỗ. Một người lính cộng sản ngồi sau cái bàn đang đọc giấy tờ thăm nuôi. Hai người đàn bà đi với tôi đã làm xong thủ tục và rời trạm kiểm soát với cùng với người thân của mình.

Người lính cộng sản nhìn tôi, cất giọng:

“ - Còn chị, chị đi thăm ai? ”

“ - Dạ thưa, tôi đi thăm chồng tôi, .Trần hữu Sơn, A1, B4...”

Người lính cộng sản cầm lấy lấy tờ giấy, đọc thoáng qua, rồi bảo tôi ngồi chờ.

Tôi quay ra, tìm đến cái ghế dài, do mấy cành cây khô ghép lại, đặt dọc vách tranh, lòng nôn nao khó tả. Lúc ngồi, lúc đứng, mắt ngong ngóng nhìn về phía trại.

Suốt hơn 4 tiếng đồng hồ ngồi trên xe chật chội mà tôi không thấy lâu bằng giây phút ngồi trong căn nhà “ tiếp tân ” này.

Bỗng từ phía sau bụi cây xanh cách căn nhà tiếp tân mươi thước, tôi nhận ra dáng anh thấp thoáng. Anh mặc

bộ độ lính màu xanh lá cây, rộng phình phần và cũ mốc. Quần xắn lên khỏi mắt cá, chân mang hai mảnh gỗ như đôi guốc, nhờ 2 sợi cao su gắn chéo giữ chặt bàn chân.

Tôi đứng lên đi về phía cửa, đón anh.

Anh bước vào nhìn tôi thật nhanh rồi nghiêng đầu chào người lính. Người lính vẫn ngồi đó, trên tay cầm cây viết khỏ nhẹ xuống mặt bàn, đưa mắt nhìn anh, rồi nhìn tôi như là một nhân chứng cho giây phút tái ngộ của đôi vợ chồng trẻ.

Rồi, hai đứa chúng tôi nhìn nhau thật lâu, không nói nên lời. Anh chột cười thật nhẹ. Tôi nhận ra có cái gì đó không tròn trên nụ cười của anh. Ôi cái nụ cười cao vút, vô tư của ngày nào trên hành lang của giảng đường, mỗi lần anh và tôi gặp nhau, không còn nữa. Có phải vì đã trải qua nhiều trại tù kham khổ, với những địa danh không mấy quen thuộc Trảng Lớn, Long Khánh, Katum, hay vì tư tưởng đã bị gông trong hơn một năm qua, đã biến đổi không những cái dáng dấp thân người mà cả nụ cười hồn nhiên và quen thuộc của anh???

Tôi muốn đưa đôi bàn tay nắm lấy tay anh, ôm anh vào lòng mà,...sao vẫn không làm được.

Anh nhìn tôi, khẽ nói:

“ – Em, mình đi về trại “.

Nói xong, anh chồm người xuống, xách 2 cái giỏ đựng thức ăn, bước ra khỏi căn nhà tiếp tân. Tôi bước theo anh, sau khi ngỏ lời cảm ơn và chào người lính kiểm soát giấy tờ.

Một lúc sau, chúng tôi đến một vùng đất vừa mới khai hoang. Đó đây còn để lại các gốc cây thầu dầu thật lớn. Trời đã vào xế chiều. Anh nắng đã bắt đầu ngả vàng, đổ lên vùng đất còn bay mùi nhựa gỗ vừa mới bị chặt bị cưa,..

Ở giữa khu đất hoang là hai dãy nhà nằm song song. Mỗi dãy gồm nhiều căn chòi ghép đôi, nằm xây lưng vào nhau. Chòi được lợp bằng những tấm tranh thưa. Ngồi trong chòi bên này, tôi có thể thấy thoáng thoáng người

và nghe cả tiếng nói chuyện của người bên kia...

Vài cụm khói tỏa lên cao, từ những cái bếp dã chiến, được dựng lên bằng ba cục đá chu đầu vào nhau như trong những câu chuyện huyền thoại Ba Ông Táo ngày xưa. Từng gia đình thăm nuôi quây quần thổi lửa, chuẩn bị cho buổi cơm chiều...

Ngồi trong chòi tranh, nhìn quanh, tôi lấy lại bình tĩnh sau chuyến đi kinh hoàng và nhất là sau giây phút gặp lại anh.

Một anh bạn tù cùng lán với chồng tôi, anh Sáu- Nguyễn Sáu - mang vào một thùng nước, kèm theo một cái lon bằng nhôm, móp méo. Tôi ngạc nhiên nhìn hai cái dụng cụ bằng kim loại, xuất hiện ở giữa rừng cây này. Anh Sáu đặt thùng nước xuống đất, tỏ vẻ hiểu ý. Anh chào tôi, hỏi thăm chuyến đi, kể qua loa vài chuyện sinh hoạt trong trại và nguồn gốc của cái thùng thiếc và cái lon nhôm. Anh Sáu cho biết, đó là những dụng cụ do chính các anh tự biến chế ra. Vật liệu được tìm thấy khi đến tạm trú lần đầu tiên tại sân bay lúc còn ở Trảng Lớn và nhất là tại khu gia binh ở Long Khánh. Thùng đựng đạn làm nồi nấu canh, nấu cơm, miếng tole làm thùng chứa nước, lon guigoz làm ấm nấu nước nóng pha trà, pha cà phê, nấu rế tranh ... Nòng súng chống chiến xa làm ống thuốc lào, vòng đeo tay, mài làm dao, làm lược, làm thùng đàn guitar...

Khi anh Sáu rời chòi, tôi mới đến gần và nhìn chồng tôi rõ ràng hơn.

Tôi không còn nhận ra cái dáng vóc thanh nhã, vô tư của một ông thầy giáo ngày nào. Da anh đen sạm và ốm nhiều. Cái thân hình của anh như bơi trong bộ quần áo nhà binh rộng quá cỡ. Đôi mắt thâm sâu, hai gò má nhô lên làm cho gương mặt của anh dài ra và già hơn lứa tuổi.

Nắm tay anh, đôi tay gầy guộc, lòng tôi se lại. Tôi thương anh vô cùng. Anh ghì chặt lấy tôi, ôm thật chặt. Tựa đầu vào vai anh, tôi kể cho anh nghe chuyện bé Khôi,

con của anh. Tôi đưa cho anh xem tấm hình bé Khôi do ông ngoại chụp lúc Khôi gần nửa năm tuổi. Anh nhìn chăm chú thẳng bé trong hình. Đôi mắt anh bắt đầu đỏ. Rồi tôi kể cho anh nghe cuộc sống cùng cực của gia đình ở quê nhà, chuyện quái gở xảy ra ở trường, chuyện thay lòng đổi dạ vì miếng ăn, cái sống của đồng nghiệp,...

Mặt trời đã tắt hẳn ở phía sau cánh rừng. Các bếp lộ thiên cũng không còn bốc khói. Bóng tối đã tràn vào căn chòi. Đàn muỗi rừng bắt đầu rời tùm lá xanh, bay vào các căn chòi, đi tìm máu người.

Các chòi đã lên đèn.

Nằm bên anh, tôi lắng nghe anh kể chuyện.

Nhóm của anh, thuộc A1. Các mẫu tự A, B, C, K....là ký hiệu để chỉ con số người, tự lại nhánh nhóm. Cũng giống như ngày xưa trong quân đội. 10 người tù lập thành 1 A (tương đương 1 tiểu đội). Bốn A, tức là 40 người tù, lập thành B, (cũng như một trung đội)...

Trong A của anh, đa số là những quân nhân có ngành nghề chuyên môn.

Anh Nguyễn Vũ Phần là Đại úy quân y nhà ở Phú Nhuận. Anh Nguyễn Văn Khôi, còn rất trẻ, chưa có gia đình là Trung Úy quân y nhà ở Khánh Hội. Anh Nguyễn Ngọc Tường, gốc ở Ban Mê Thuộc, Trung Úy Nha sĩ, cũng vừa cưới vợ, có đứa con đầu lòng chưa thấy mặt. Anh Nguyễn Sáu, còn độc thân, quê ở Đà Nẵng, giáo sư kỹ thuật trung tâm huấn nghiệp Thủ Đức. Anh Đàm Xuân Việt, Trung Úy kiến trúc sư....

Trong A, các anh chia nhau từng miếng cơm, từng cọng rau, từng hạt muối. Khi làm công tác, các anh phụ giúp nhau tận tình., từ công tác chặt tre, đốn cây, đốt than, xây nhà, cắt tranh, cưa gỗ cho đến nấu ăn, dọn dẹp quanh trại.

Anh Sáu là người khỏe nhất trong A. Anh Sáu, rất trẻ, có một thân hình to lớn, chắc nịch. Trong khi đó anh

Phần lớn tuổi hơn, cho nên, thường, anh Sáu nhận các công tác nặng thay cho anh Phần. Anh Tường có gương mặt rất thông minh, đôi mắt sáng quắc, nhanh nhẹn và rất chân tình. Anh Việt, với biệt tài xây cất, anh đã giúp anh em trong A, làm những cái giường ngủ rất là ...kỹ thuật. Phần lớn, các căn nhà trong trại tù là do anh,... thiết kế và tính toán vật liệu xây cất.

Các anh chia nhau thay phiên ,...phục vụ cho nhau trong ngày có người thân thăm nuôi. Như xách nước, nấu trà, pha cà phê...Chiều nay, anh Sáu phụ vụ nước tắm cho chồng tôi. Ngày mai đến phiên anh Tường ...

Các anh có đủ kiến thức, có thừa khả năng để làm nền tảng cho một đất nước văn minh, cho một quốc gia giàu mạnh. Quê hương của các anh là Miền Nam. Con lốc đầu thương Tháng Tư lịch sử đã lừa các anh vào rừng hoang, mà " họ" gọi là đi học tập cải tạo. Học tập cái gì ở trong rừng hoang ???!!! Cải tạo cái gì trong góc núi ???!!!

Mới đó mà tôi đã nghe tiếng gà rừng gáy ở phía sau khu trại. Tôi nhìn chung quanh, dường như suốt đêm chẳng có ai chịu chớp mắt.

Sáng nay anh Tường đến thật sớm, đem cho chúng tôi một lon guigoz nước trà nóng.

6.30 giờ, được lệnh các người tù được thăm nuôi phải trở về trại và tất cả người thăm nuôi phải tập hợp tại căn nhà tiếp tân để ra xe trở về.

Anh trao cho tôi một cái lược bằng nhôm, trên đó có khắc chữ L.K. 1975. Đó là kỷ vật đầu tiên anh làm lúc còn ở trại tù Long Khánh năm 1975. Một con ngựa gỗ làm quà cho đứa con trai đầu lòng chưa thấy mặt. Con ngựa này, theo như anh kể, là làm theo con ngựa mẫu của anh kiến trúc sư Đàm Xuân Việt. Và món quà cuối cùng mà anh đã làm trong suốt thời gian rảnh rỗi khi vào rừng đốn cây hay vào những buổi chiều sau bữa ăn tối. Đó là chiếc giỏ đan bằng những sợi mây nhỏ.

Có cái gì đó làm nghẹn trong cổ. Tôi từ giã anh bằng hai tiếng nhẹ nhàng:

“ – Em về ! “.

Tôi theo đoàn người thăm nuôi, trở ra con lộ cái, êm lặng đứng chờ xe.

Biết có bao nhiêu người vợ không có cái cơ hội đi thăm chồng bởi vì người chồng của họ đã nằm xuống trong rừng hoang vì không có thuốc để trị bệnh, kiệt sức vì không đủ ăn, không may mắn trốn thoát trại tù hay .. vì chống lại cách hành xử vô nhân đạo của cai tù ???...

Biết bao giờ cái địa ngục trần gian này phải chấm dứt ???

Biết bao giờ, các bà vợ được ngủ yên trên cánh tay của người chồng thân yêu ???

Làm sao có thể trả lời được bởi vì con người tôi, con người Miền Nam quá nhỏ trong cái chủ nghĩa cộng sản độc tài bịp bợm, lừa đảo to lớn kia.

Chiếc xe đưa người thăm nuôi trở lại thành phố, bỏ lại đằng sau đám bụi mù.

Những người khách ngồi yên lặng trên xe, ngủ gà ngủ gật, vì qua một đêm dài thức trắng. Cũng có thể họ êm lặng để tận hưởng dư âm của một đêm hội ngộ, sau bao nhiêu tháng năm dài xa vắng.

Tôi cũng chìm trong cái không gian yên tĩnh đó. Tôi nghĩ đến bé Khôi, nghĩ đến cách làm sao cho bắt kịp chuyến xe về luôn đến Trà Vinh trong ngày.

Những người đàn bà trở lại thành phố với những cái giỏ trống không,...để ngày mai tiếp tục làm thân con cò lặn lội bờ sông, mong một ngày nào đó nhận được thư chồng báo tin, gồng gánh trở lại thăm nuôi người tù cải tạo../

Mỹ Phụng

Tôi Đi Tìm Lại Một Mùa Xuân

Nguyễn

*Từ đi vào cõi phong sương
Khi rừng lá thấp khi sườn núi cao
Quân như sấm sét mưa gào
Ngày sẵn dấu giặc, đêm vào chiến khu*

Mấy tháng trời quần thảo nhau với Sư Đoàn 3 Sao Vàng ở phía bắc tỉnh Bình Định. Máu xương của các chiến sĩ Liên Đoàn 4 Biệt Động Quân Tổng Trừ Bị của chúng tôi cũng đã thấm sâu vào lòng đất nơi đây. Nhất là trận đánh kéo dài mười hai ngày đêm, dọc theo quốc lộ 1, dưới chân núi Nung. Sau trận đánh này, Sư Đoàn 3 Sao Vàng gần như kiệt sức, bắc Bình Định không còn bị áp lực, đại đơn vị của chúng tôi coi như đã làm xong nhiệm vụ nên được lệnh gom về phi trường Phù Cát. Trong lúc chờ máy bay, anh em binh sĩ hỏi tôi:

-Mình về hậu cứ phải không ông thầy?

Tôi thản nhiên

-Cũng có thể!

Chuẩn Úy Vũ từ xa đi lại, anh ta nở nụ cười tràn đầy hy vọng

-Về tới hậu cứ, em mời anh đi ăn canh chua cá Bông lau ở ngã ba Tam Hiệp, sau đó anh em mình về Sài Gòn du dương, được không?

Tôi đưa tay lấy điều thuốc co rúm từ trong bao Bastos của Vũ. Vũ bật lửa, tôi rít một hơi dài, vừa nhả khói, tôi vừa nói đùa với anh ta:

-Nhớ bồ rồi phải không? Viết thư về nói với cô ta, con đường chinh chiến mệt mỏi, đừng chờ nhau mà hao mòn nhan sắc. Đâu có ai biết được ngày mai, phải vậy không ông Chuẩn Úy Cọp Rằn?

Thay vì mang chúng tôi về Biên Hoà, những chiếc C130 quảng chúng tôi xuống phi trường Cù Hanh, Pleiku. Tất cả đều vỡ mộng.

Nhìn những khuôn mặt sạm nắng tiu nghỉu của anh em binh sĩ trong đơn vị, tôi thấy thương họ vô cùng và thương cả chính mình. Đời lính chiến rày đây mai đó, biết rằng trên quê hương, đất nước mình, nơi nào cũng là nhà, nhưng lâu



lâu về gặp lại người thân trong gia đình ai mà không mong, nhất là sau những ngày đêm lằng lộn, sống chết ngoài chiến trường. Đoàn xe GMC bám đầy bụi đỏ, đưa chúng tôi về hướng tây bắc Kontum, nơi đã xảy ra những trận đánh khốc liệt và đẫm máu trước đây.

Thế là chúng tôi tiếp tục chờ địch trong những đám rừng già, sáng mờ sương sớm, tối mờ sương đêm. Hơn tháng trời, nằm trên những ngọn đồi không thấy ánh nắng, đầy mìn bẫy, những con dốc yên ngựa thoai thoải, chi chít đường mòn và vỏ đạn rỉ sét đủ loại. Khilùng sục, lúc đợi chờ, nhưng tình hình vẫn cứ yên tĩnh một cách nặng nề. Chúng tôi có cảm giác địch quân đang “gờm” đang “điều nghiên”. Với họ đây là một đơn vị mạnh, được điều động từ Bộ Tổng Tham Mưu ở Sài Gòn, nên rất khó nuốt. Hoặc mùa mưa đã qua rồi, rất thuận lợi cho việc yểm trợ phi pháo cho quân ta, nên họ chưa dám xuất chiêu. Chúng tôi cũng thận trọng và sẵn sàng đáp trả trong mọi tình huống, nhất là kiểu đánh quấy rối và tiêu hao bằng đặc công của đối phương.

Những chiếc loa khuếch đại, gắn bên hông những chiếc máy truyền tin C25, thỉnh thoảng buông những tiếng khọt khẹt vô cảm trong căn hầm chỉ huy làm tôi không thể nào chớp mắt được. Khoác áo jacket, tôi lững thững bước ra ngoài. Buổi chiều cao nguyên vào những ngày gần cuối năm nghe lạnh lạnh. Cái lạnh của núi rừng dể làm lòng người suy nghĩ mông lung. Đồng cảm với những chàng trai Hà nội ngày xưa tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp, đêm đêm bên phòng tuyến, họ đã ghi lại những lời thơ mượt mà bất hủ. Tôi còn nhớ hai câu trong bài Tây Tiến của Quang Dũng

Mắt trông gởi mộng qua biên giới

Đêm mơ Hà nội dáng kiều thơm

Giờ này, một đoàn trai trẻ chúng tôi, trên tuyến đầu mờ

mờ hơi sương, cũng đang

gởi hồn mình về nơi xa xăm nào đó, để thương cảm nhớ
nhưng những người con gái đôi mươi làm người yêu của
lính, đang khoắc khoải đợi chờ. Chạnh lòng, tôi ngâm nga

Ta gởi hồn qua chập chùng đồi núi

Mơ về Tháp Nhạn dáng người thương

Đang lúc chờ giặc, chúng tôi được lệnh bàn giao khu vực
đóng quân cho một đơn vị bạn thuộc Quân Khu 2.

Về tới phi trường Biên Hoà, chúng tôi lại được thầy xuống
Bình Tuy, một tỉnh phía bắc Quân Khu 3, tiếp tục băng
rừng, lội suối. Dù sao ở đây khí hậu tương đối tốt, có nhiều
thịt rừng, áp lực địch không mạnh mấy, lại gần Sài Gòn, nên
tinh thần binh sĩ có vẻ phấn khởi hơn. Sau vài trận đụng độ
nhỏ với Sư Đoàn 7 Bắc Việt, chúng tôi trao trả vùng hành
quân lại cho Sư Đoàn 18 Bộ Binh, trở về hậu cứ Long Bình.

Trong kỳ dưỡng quân này, tôi và mấy người bạn có dịp dạo
quanh các khu phố Biên Hòa. Mặc dù đang sống trong cảnh
rình rập của chiến tranh, nhưng không khí tết cổ truyền
của dân tộc vẫn lan rộng, trải dài muôn chiều muôn mặt
trên toàn đất nước miền Nam tự do. Nơi đây, kẻ bán người
mua tấp nập trên các đường phố quanh khu rạp chiếu bóng
Biên Hùng. Câu đối đỏ, quả dưa xanh, những chậu cúc vàng
rực rỡ, xen kẽ với thực được đủ màu, những cành mai đầy
búp, bắt đầu hénhụy sắp đầy trên đường phố.

Những chiếc xe xích lô, xe Lam, xe taxi khách lên xuống
tấp nập. Bến xe đò đông nghịt người, không chỗ chen chân.
Các chuyến tàu lửa Biên Hòa-Bình Triệu-Sài Gòn, khách ngồi
cả trên thành cửa sổ. Con tàu mệt nhọc kéo theo những toa
đầy người dài lê thê. Ai cũng hấp tấp, vội vàng lo cho ba
ngày tết. Tôi và một người bạn vào quán café bên hè phố
ngã ba Tam Hiệp, kêu hai ly café cô gái, có nước da mầu

bông bưởi, noãn miệng cười, với chiếc răng khểnh xinh xinh. Anh bạn tôi hỏi cô ta:

-Biên hoà có gì nổi tiếng hả cô em?

Nghe giọng “Nấu Rặt” của bạn tôi, cô bé mở đôi mắt to tròn, đầy ngạc nhiên, giọng cô bé ngọt ngào

-Dạ, Bưởi Biên Hoà đó anh!

-Và con gái Biên Hoà đẹp không thua gì bông bưởi phải không cô em?

Cô bé cúi đầu, nói vừa đủ cho ba người nghe

-Dạ!

Bỗng cô bé quay qua phía tôi, mắt cô bé sáng lên

-Anh là Sĩ Quan Đà Lạt phải không anh?

-Sao cô em biết?

-Anh hai em cũng Sĩ Quan Đà Lạt, ảnh cũng có chiếc nhẫn giống y chiếc của anh vậy.

-Anh hai cô giờ này ở đâu?

Mẹ và chị dâu em khóc hết nước mắt vì ảnh, cũng giống như các anh, từ ngày ra trường tới giờ, chưa có năm nào ảnh được ăn một cái tết sum họp gia đình! Toàn hành quân với hành quân, hết chiến trường này đến chiến trường khác.

-Mẹ và chị dâu cô khóc hết nước mắt, còn cô em thì sao?

-Em thì ngược lại, em rất thích những người con trai quen mình, xông pha bảo vệ đất nước. Có như vậy, những người hậu phương mới có cuộc sống an lành, phải vậy không anh?

Tôi định hỏi tiếp, nhưng cô bé nở nụ cười hồn nhiên

-Hai anh chờ em chút xíu, em sẽ quay lại.

Nói xong, cô bé cúi chào rồi bước vào bên trong quầy tính tiền, vì ở đó có người đang đứng chờ. Nhìn café nhỏ từng giọt đều đặn vào ly thủy tinh, tôi mới thấy được ý nghĩa của sự bình an nơi thành phố. Bỗng từ phía lễ đường người lính của đơn vị tôi hối hả bước vào. Tôi hỏi anh ta:

-Hành quân hả?

-Dạ, 60 đang chờ hai ông thấy ngoài xe.

Tôi nhìn ra thấy vị Tiểu đoàn phó đang ngồi ghế tài xế, có lẽ ông xếp đang chạy lòng vòng qua mấy quán café để bốc cái đám sĩ quan độc thân không người lái như chúng tôi.

Cô hàng café quay trở lại, café vẫn còn đang nhỏ giọt, cô ta ngập ngừng nhìn chúng tôi. Cô bé không nhận tiền, cũng không nói lời nào. Chúng tôi chào tạm biệt cô bé rồi bước vội ra xe. Tuy không quay nhìn lại, nhưng tôi cũng đoán biết được tâm trạng ray rứt lo âu của kẻ tiễn người ra chiến trận. Tôi khe khẽ ngâm hai câu trong Chinh Phụ Ngâm Khúc của Đặng Trần Côn

Chàng từ đi vào nơi gió cát

Đêm trăng này nghỉ mát nơi nao

Cùng lúc hai chiếc loa của máy hát đĩa treo ở hai bên bờ tường của quán Café vọng ra giọng hát ngọt ngào

“Tôi đi tìm lại một mùa xuân, ,..... “

Nguyễn Thành Liên



Mùa Xuân

Không trở lại

Lê Luyến

1-Mùa xuân và ngày tết là những mốc thời gian thiêng liêng trong tâm hồn và cuộc đời con người. Mỗi độ tết về đất trời như hồi sinh, mọi người được tăng thêm tuổi thọ, đời đẹp ra, cuộc sống thêm phần ý nghĩa và hưng phấn, như Cao bá Quát đã viết:

“Xuân tăng tuế nguyệt, Nhơn tăng thọ

“Lộc mãn càn khôn, Phước mãn đường.

Những người sống xa quê hương càng thấy trân trọng ngày tết và quý giá giây khắc xuân nồng. Ai cũng một lòng hoài xuân, nhớ về cái tết đậm ấm nơi quê nhà. Sự hồi tưởng càng làm tăng nỗi buồn cô đơn và trăn trở trong lòng chúng ta, những kẻ ly hương. Do vậy, điều dễ hiểu để có thể lý giải được vì sao hàng năm mỗi độ xuân về, di dân người Việt lại đua nhau về ăn tết quê nhà. Con số thống kê khái quát người và đô la Việt kiều mang về khiến làm chóng mặt bất cứ ai. Có phải chăng họ muốn tìm lại khoảnh khắc tương thông thiêng liêng của tâm linh con người giao hòa với đất trời mùa xuân nồng ấm chính ngay trên quê hương thân yêu của mình?

Họ từ khắp nơi trên thế giới trở về. Có người về để hưởng thụ, nhưng cũng không ít người trở về với tâm trạng thốn thức hoài niệm một thời quá khứ, xoa dịu nỗi lòng kẻ bất buộc phải sống ly hương. Họ về với thân nhân, mồ mã, làng nước, chiến hữu, với nơi chốn cội nguồn, chôn nhau cắt rốn trọn đời nhớ thương, dẫu rằng hôm nay phải mang thân lưu lạc góc bể chân trời.

Tóm lại mỗi người mỗi hoàn cảnh, một lý do, một cách nói riêng để lý giải và ... tất cả đều hợp lý thuận lẽ

2-Quang cảnh và không khí Sài Gòn bao giờ cũng mang một nét đặc thù riêng biệt mà không có một thành phố nào trên thế giới giống được. Nó vừa nhộn nhịp, huyên náo trong cảnh xô bồ hỗn loạn, nhưng lại vừa quen thuộc, thân thương như gần gũi trói buộc lòng người. Những tấm khăn che mặt kỳ dị của dòng người chạy xe vội vã, vô trật tự nối nhau kéo dài trên đường phố dường như bất tận. Hè phố nườm nượp khách bộ hành ngược xuôi, mua bán hối hả trong cái không khí ngột ngạt của những ngày còn sót lại trong năm. Thủ đô ngày xưa của Việt Nam Cộng Hòa đã một thời được mệnh danh là Hòn Ngọc Viễn Đông, đang thay da đổi thịt từng giờ, biến đổi từng ngày theo tỷ lệ thuận với dòng chuyển động luân lưu không ngừng nghỉ của tạo hóa trong lúc xuân về. Lác đác đó đây trên hè phố, bên góc chợ Bến Thành đã bày bán một vài thứ hàng tết. Gió xuân mon man trong không gian lỏng lẻo như xua bớt đi cái ngột ngạt, ảm ỉ của thành phố đông dân nhất nước nhưng vẫn không làm tan đi những nét lo âu, đăm chiêu trong lòng người dân nghèo vào mấy ngày cận tết Xuân 1990.

3-Cô gái trẻ dáng người mạnh khỏe trong bộ quần áo thời trang. Mái tóc ngắn ôm khuôn mặt trái xoan dưới làn phấn mỏng và chiếc kính Rayban đắt tiền càng tăng phần quý phái. Cô bước đi thong thả, mắt nhìn phố phường ngày

tết vẻ thích thú. Lưng lẳng trên vai chiếc ví mang nhãn hiệu USA màu trắng bạc. Hai cánh tay trần thon thả phơn phớt màu nâu non, ôm mấy quyển sách cũ đã cuộn góc sờn gáy. Ánh nắng chiều hanh vàng. Mới hơn bốn giờ. Có một chút mồ hôi rịn ở chân tóc. Cô dừng lại nhìn quanh tìm chỗ nghỉ chân. À! đây rồi. Một quán ăn treo tấm bảng hiệu có dòng quảng cáo lạ đời làm cô tò mò: "*Quán chuyên bán thịt rừng và những món bò uống với các loại rượu Pháp đặc biệt. Phòng máy lạnh. Kính mời.*" Cô gái mỉm cười: văn phong gì mà kỳ cục. Hoặc có thể đây là ẩn ý của chủ quán, lôi cuốn khách hiếu kỳ. Cô đẩy cửa bước vào. Quán vắng hoe. Cô gái chọn chiếc bàn hướng ra đường, nơi có mấy sạp báo bày bán dọc vỉa hè.

Chủ quán là một người đàn bà phốp pháp tuổi chừng bốn mươi, mắt sắc lém, mặt tô đầy phấn, ăn mặc diêm dúa chải chuốt, thái độ kênh kiệu. Thấy khách, bà mang tấm thực đơn bước ra. Cô gái đưa mắt nhìn lướt qua, vẻ hững hờ. Chợt cô hỏi người chủ nhân một câu lạc đề:

- Hôm nay là ngày mấy âm lịch rồi, thưa bà?

Người chủ mặt cau có vì khách mở hàng không nhiệt tình. Bà đưa tay chỉ tấm lịch treo trên tường, trả lời cộc lốc:

- Tấm lịch treo trước mặt đó.

Cô mỉm cười thân thiện, nhìn lên tấm lịch lẩm nhẩm... Hăm sáu tháng chạp năm Canh Ngọ 1990, rồi mới chịu ghé mắt nhìn vào tấm thực đơn, gọi một chai rượu vang đỏ của Pháp và một đĩa cá hấp. Cô hỏi thêm một câu hơi cắc cớ:

Quán bà có món "*bò lúc lắc*" vậy có món "*chim lúc lắc*" không?

Mặt người chủ chợt đanh lại, mắt quắc lên. Bà muốn đốp chát ngay với cô gái dễ ghét dám ăn nói xách mé nầy nhưng nghĩ đến món tiền khách phải trả, bà lại cố nhịn, chỉ bực dọc nói móc lại

Quán chỉ có món “*bò lạp lên đồng*” thôi chứ không có giống “*chim lúc lắc*”.

Cô gái ngây thơ reo lên thích thú:

-Món ăn lạ quá chắc là ngon lắm. Thôi thì bò lạp hay chim lúc lắc cũng được. Miễn sao bà chủ làm nóng và ngon lành thì ok.

Nói rồi cô gái cười ngoặt ngoẹo. Trong lúc chủ quán rửa làm bầm trong miệng. Mụ cứ tưởng trả miếng lại, ai ngờ cô gái thông minh quá nên lợi dụng cơ hội tiếp tục trêu chọc thêm. Mặt bà chủ tối sầm, vùng vằng nện gót quay vào trong.

Cửa kính trong suốt. Tiếng máy quạt quay vù vù. Mùi chiên xào thơm ngào ngạt kích thích khứu giác. Cô gái lục bóp lấy thuốc ra hút. Mùi thuốc lá ngoại thơm lừng. Cô thong thả nhả từng hơi khói khoan khoái, trong lúc bà chủ lạch bạch đốt mấy nén nhang cắm lên bàn thờ thần tài, van vái cầu may khách đông bán đắt. Bà không quên đốt thêm mấy tờ vàng bạc để khử xui xẻo, rồi liếc xéo về cô gái về mặt bí hiểm đắc ý.

Một người hầu bàn mang ra chai rượu được ướp lạnh trong xô nước đá nhỏ. Anh cẩn thận khui rượu rót vào ly. Cô gái chậm rãi nhâm nhi từng hớp nhỏ, đầu gật gù. Bỗng cái nhìn lén của chủ quán chạm phải ánh mắt cô gái, bà giật mình bối rối khi bị bắt quả tang. Cô gái thân nhiên nhếch môi cười. Nụ cười như ngụ ý đã biết điều bí ẩn trong lòng bà. Chủ nhân cảm thấy nhột nhạt quay vào, trong lúc cô gái mặt tỉnh bơ ngoảnh nhìn cảnh phố chiều huyền ảo.

Đọc vỉa hè có thêm những gánh hàng rong và bán đồ cũ di động như quần áo, giày dép, kiếng mắt, đồng hồ ... tất cả được bày trên mấy tấm vải bạt. Một chỗ khác bán sách báo cũ trước 75 gồm đủ loại từ tiểu thuyết tình cảm, trinh thám, võ hiệp, xen lẫn sách dạy làm người, văn nghệ, khoa học, lịch sử, âm nhạc... xếp trong mấy thùng giấy cứng hoặc trên những tấm vải bố có quai, có thể túm lại vác trên vai chạy

trón dễ dàng mỗi khi bị công an bố ráp.

Một chiếc xe hơi hiệu Volvo chạy chậm chậm rồi đỗ lại bên lề, trước chỗ bán sách báo cũ. Người thanh niên lái xe bánh trai mang kính trắng, ăn mặc tươm tất bước xuống. Ánh mắt dừng lại trên tấm bảng hiệu có dòng quảng cáo ngồ ngồ. Anh mỉm cười thông thả bước vào quán. Cô gái khẽ reo lên. Hai người trẻ tuổi chào nhau bằng một thứ ngôn ngữ không phải tiếng mẹ đẻ, rồi chàng thanh niên kéo ghế ngồi xuống bên cạnh cô gái. Anh nhẹ nhàng hỏi:

- Betty chờ anh có lâu không?

- Trễ hẹn mười lăm phút. Công việc có bận rộn lắm không anh?

Người con gái nói rồi cầm chai rượu rót vào ly mời chàng thanh niên. Rượu sóng sánh một màu đỏ nhạt. Hơi lạnh làm mờ thành ly thủy tinh. Anh uống một ngụm nhỏ, chậm rãi trả lời:

- Thật ra công việc không nhiều nhưng tốc độ tiến chậm là bởi không tìm ra được nguồn tư liệu để tham khảo và chứng minh cho từng thời đại lịch sử. Anh đến trễ vì nạn kẹt xe.

Người thanh niên im lặng. Mắt anh dừng lại trên mấy quyển sách cũ của cô gái đặt trên bàn. Lát sau, anh trầm ngâm tiếp lời:

- Tìm hiểu và viết lại lịch sử là một việc làm tầm chương trích cú rất phức tạp và công phu, đòi hỏi lòng nhẫn nại và kế hoạch làm việc. Hồi phục lại một nền văn học hay văn hóa nói chung, bao gồm cả sự giáo dục mang màu sắc dân tộc, là một việc làm không những cần thiết đến trí tuệ, kiến thức của nhà khoa học mà còn đòi hỏi cái tâm trong sáng, vô tư của người quân tử, cộng với lòng đam mê và sự yêu thích văn chương. Ngoài ra còn phải nhờ vào những nguồn tư liệu văn học, truyền thuyết dân gian ... Tất cả những thứ đó hiện nay đều quá ít ỏi, hiếm hoi. Một phần không được

giữ gìn bảo quản cẩn thận bị côn trùng mối mọt hoặc do phong thổ thời tiết phá hoại. Phần khác bị tiêu tán bởi chiến tranh và nhất là sự thờ ơ vô tâm của con người ...

Chàng vói tay cầm mấy quyển sách rách nát trên bàn như để chứng minh lời mình nói. Giọng anh buồn buồn pha chút phẫn nộ:

- Một số lớn tài liệu, sách vở bị hủy diệt do những quan niệm sai lầm của chế độ. Vói tham vọng xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, những lãnh tụ đỏ VN đã ra lệnh hủy diệt, tàn phá nhiều di tích lịch sử lâu đời, nhiều di sản văn hóa vô giá. Những con người định kiến đó phát đi những mệnh lệnh cực đoan, cộng thêm sự thi hành nhiệt tình để lập công của các cấp thừa hành đốt nát, lòng chứa đầy hận thù khiến công tác được mệnh danh là *bài trừ văn hóa phẩm đời truy, tàn dư Mỹ-Ngụy* đã hủy diệt, đốt bỏ tất cả những quyển sách xuất bản tại miền Nam, không trừ loại nào, kể cả sách về khoa học, y học, giáo dục, văn chương, nghệ thuật ... cũng chịu chung số phận. Họ thay thế vào chỗ trống bằng một mớ sách bốc thơm lãnh tụ, tôn vinh đảng; Họ áp đặt vào đời sống nhân dân, xã hội một thứ chủ nghĩa anh hùng giả tạo; Họ nhồi nhét vào giáo dục, văn chương một hệ tư tưởng nghèo nàn, hoang tưởng; Họ biến ngôn ngữ VN thành một thứ tiếng nói giáo điều, rập khuôn trong sinh hoạt xã hội, học đường và đời sống nhân dân hàng ngày. Kết quả là đã làm đui mù, què quặt trí tuệ con người. Đó chính là nan đề đã tạo ra muôn vàn khó khăn, trở ngại cho công việc tìm kiếm, sưu tra cũng như trình bày trung thực của chúng ta. Do vậy, việc thu thập nghiên cứu những tài liệu chính xác có tính đa dạng sẽ trở thành tuế toái, nhiều khê cho người làm công tác khoa học.

Cô gái nhìn đắm đắm vào chàng thanh niên. Cái nhìn triu mến, yêu thương pha lẫn ái ngại, lo lắng. Nàng thờ dài, cúi

nhìn mấy quyển sách cũ giọng đờm buồn:

- Một quãng đời trôi qua thật nhanh như những tờ giấy hoen ố vết mầu thời gian này, tuy vô tri nhưng lại phải phát có linh hồn, đang rách nát tả tơi trong hiện tại nhưng chẳng phải đã có hàng mấy chục năm, hay cả thế kỷ trước đó sao? Những người viết ra nó đã trở thành cát bụi tự bao giờ nhưng sách vở thì vẫn lặng lẽ, im lìm tồn tại và âm thầm truyền giảng những hiểu biết khoa học, tư tưởng nhân sinh, đạo nghĩa con người và văn chương cho nhiều thế hệ tiếp nối về sau. Một trăm năm, dài lắm với một đời người nhưng lại quá ngắn so với lịch sử. Người cộng sản cứ khư khư ôm giữ những định kiến cực đoan, thù hận đến độ quá khích. Họ tàn nhẫn hủy diệt không tiếc thương những giá trị tinh thần hiếm hoi trong tư tưởng, sáng tác văn học, hội họa, âm nhạc, nghệ thuật và trong phát minh khoa học; Họ ngu muội không biết rằng sách vở là sản phẩm trí tuệ, là những tinh hoa quý giá vô cùng, được lưu giữ truyền đạt cho nhiều đời sau, tất cả đều nằm trong những trang sách rách nát hẩm hiu kia. Quả là điều đáng buồn. Âu đó cũng là phần số định mệnh khắc nghiệt an bày, muốn chìm sâu dân tộc ta vào sự ngu dốt, lạc hậu và đau khổ triền miên.

Im lặng đột ngột. Hai người tuổi trẻ chìm trong suy tư. Từ xưa, đa số người Việt chúng ta vốn ít xem trọng sách vở. Ngay cả những tác phẩm quý giá ở trong nước, những tác phẩm văn học thế giới có giá trị hoặc những tuyệt tác đã góp phần rất lớn cho nền văn học nhân loại được thăng hoa, họ cũng mượn về để đọc *chùa* chứ ít khi chịu bỏ tiền ra mua. Trong tủ kính ở phòng khách sang trọng, người ta thích trưng bày những đồ vật quý giá hơn là những tác phẩm văn hóa. Sau 1975, những cuốn sách hiếm hoi này càng không được người cộng sản ưu ái biết đến, nên tất cả bị đem đi cân ký hoặc lùa vào đồng lửa thiêu hủy thành tro bụi.

Không khí sũng buồn, mênh mang. Những lo âu của tuổi trẻ quả là ưu tư lớn lao của mọi người, mọi giới có trách nhiệm xây dựng hướng tiến lên cho tương lai dân tộc.

Người thanh niên đột ngột chuyển sang đề tài khác như để lảng tránh nỗi buồn vừa trôi dạt:

- Hình như rượu không đúng phẩm chất vang đỏ chính hiệu thì phải, em nhỉ?

Khuôn mặt người con gái trở lại vẻ tươi vui cố hữu. Giọng nói pha chút hóm hỉnh, cô khẽ trả lời:

- Về Việt Nam chuyến này chúng ta gặp nhiều gay go hơn thời kỳ xưa. Hình như tất cả mọi trật tự, luật lệ của chính quyền cũ trước đây đều bị thay đổi xáo trộn, cũng giống như phẩm chất giả trá của chai rượu này.

Cô gái chất lưỡi than:

- Ừ, mà cũng phải. Một quốc gia khi đã thay đổi chế độ tất nhiên phải thay đổi toàn bộ cơ chế xã hội, con người, tư tưởng và luật pháp. Em linh cảm lần này chúng ta sẽ khó lòng dung cái tâm bình an của một nhà khoa học khách quan để làm việc có hiệu quả khi phải tiếp xúc thực tế với một xã hội đang bị thay đổi tận gốc rễ, từ chủ thể đến bản sắc, từ trung ương đến địa phương. Tất cả đều trở thành công cụ của đảng. Hoàn toàn mất đi tính trung thực.

Bất chợt cô gái bắt gặp ánh mắt soi mói của bà chủ quán đang rình rập nghiêng tai nghe lén câu chuyện. Cô thay đổi ngôn ngữ. Hai người thanh niên bắt đầu đối thoại bằng thứ tiếng Pháp trôi chảy.

Bà chủ nghếch mặt ra. Trong đầu bỗng nảy sinh “*ý thức cảnh giác cách mạng*” Bà suy luận: chạy xe hơi tư bản, xìai bóp đầm Mỹ, hút thuốc lá ngoại, chắc phải là gián điệp từ nước ngoài trở về hoạt động phá hoại, lật đổ hay ám sát như đài báo thường loan tin. Bà chợt nhớ mấy quyển sách cũ bằng tiếng ngoại quốc mà cô gái đặt trên bàn. Có thể đó là

tài liệu hay truyền đơn phản động. Nếu quả vậy thì đây là cơ hội cho bà lập công. Bà tính toán rồi đi nhanh vào bếp. Lát sau bà bung ra đĩa khoai tây chiên vàng rộm có những khoanh cà chua, hành tây, dưa leo sắp gọn gàng trông thật ngon mắt. Bà nói:

- Món thịt bò nướng vì sẽ được đem ra ngay bây giờ. Chúc cô cậu ăn ngon.

Miệng nói nhưng mắt thì nhìn vào mấy quyển sách. Lúc quay vào, trong lòng bà hớn hờ.

Người thanh niên thân nhiên cầm nĩa xăm khoai tây chiên cho vào miệng nhai ngon lành.

- Anh đói lắm hả? Nhìn anh ăn em cũng biết.

- Trưa nay không có em nên anh cũng lười đi ăn một mình.

Người phục vụ mang ra món thịt bò nướng vì thơm lừng. Anh ta hóm hỉnh nói với khách đây là món “*bò lạc lên đồng*”. Chàng trai bật cười trước lời quảng cáo dí dỏm. Anh cắt thịt ra miếng nhỏ, bỏ vào đĩa cô gái. Hai người bắt đầu ăn. Cô kể cho anh nghe những món ăn được chủ nhân đặt cho những cái tên thật kỳ dị, nghe rất ấn tượng rồi cô kết luận:

- Chủ quán là người đàn bà đa nghi và lắm chuyện, biết moi túi khách bằng những món ăn đặt tên lạ và các loại rượu ngoại bị pha chế. Không thể nào một chai Cote du Rhone vùng Loire xa xăm nổi tiếng mà chỉ đáng giá tương đương 5 đô la Mỹ.

- Em biết rượu chất không đúng phẩm chất à?

- Anh quên là em trưởng thành ngay bên cạnh những cánh rừng nho bạt ngàn của vùng thung lũng màu mỡ Loire Valley gần thành phố Bordeaux của miền Nam nước Pháp, nơi sản xuất Champagne nổi tiếng thế giới và có nhiều loại đất tiền khủng khiếp sao?

Nhưng tò mò, em muốn thử qua một lần cho biết trình độ làm hàng giả ở quê hương mình đến mức nào.

Cô gái bỗng thở dài:

- Sau chiến tranh, đất nước còn nghèo nàn, đời sống nhân dân quá cơ cực thiếu thốn, mọi thứ thực phẩm đều được phân phối theo chế độ tem phiếu, em tự hỏi tại sao nơi đây vẫn được bán tự do các loại thịt tươi và còn có cả rượu ngoại, một mặt hàng thuộc diện xa xỉ mà nhà nước cấm nhập cảng, vẫn được bày bán thoải mái?

Như để giải đáp thắc mắc của cô gái. Một chiếc mô tô đời mới dừng trước cửa quán. Hai người đàn ông trẻ ăn mặc chải chuốt, tay xách cặp da bước vào. Bà chủ đon đả chào mời, thái độ trịnh trọng. Khách lạnh nhạt đi thẳng vào chiếc bàn bên trong, kéo ghế ngồi lấy thuốc ra hút. Khoảng mười phút sau, một chiếc xe hơi Toyota sang trọng chạy đến đỗ xích trước cửa, thả xuống hai người đàn ông trung niên nước da tai tái, dáng điệu kهنh kiêu, rồi chiếc xe chạy vù đi. Cả hai trên tay cũng xách cặp cán bộ, mặt nghiêm nghị giả tạo, đẩy cửa đi thẳng đến chiếc bàn có hai người chạy mô tô ngồi đợi sẵn.

Khuất trong góc kín, bốn cán bộ nhà nước đang say sưa với cognac, tôm hùm, gà rán. Người ở ngoài không thể thấy gì được, nhưng nhìn vẻ cung kính của bà chủ và phong cách bệ vệ quan liêu của khách, người ta cũng đoán ra được họ là những quan chức đương thời, quyền uy tột đỉnh.

À! thì ra là vậy. Hai người trẻ tuổi nhếch môi cười khinh bỉ. Họ thân nhiên thưởng thức món ăn và chuyện trò bằng tiếng Pháp, không thèm quan tâm đến những biến động diễn ra chung quanh. Trong lúc ở bàn bên kia, nơi góc tối, bốn người đàn ông đa nghi đang soi mói theo dõi hai con người mà theo như lời bà chủ đa sự báo lại, là thành phần nguy hiểm từ nước ngoài trở về, đang có âm mưu đen tối.

Trong khoảng không gian nhỏ bé của quán ăn vẫn có sự ngăn cách được vạch ra từ những con người huênh hoang tự

mãn, đang say men chiến thắng. Họ giả hình giả hiệu là đây tớ của dân để tự cho phép mình những đặc quyền đặc ân. Họ nhân danh của lương tâm, đạo đức cách mạng, những mỹ từ đẹp đẽ để lừa bịp một dân tộc hiền lương, chỉ ước mong có được chút hạnh phúc đơn giản gói ghém trong hai chữ bình an là đủ.

Người hầu bàn mang ra món tráng miệng, chè hạt sen nấu với rong biển. Chàng trai chậm rãi thưởng thức món ăn quê hương, thân được giải nhiệt mà ít khi có được trong những ngày sống tha hương xứ người. Anh rút một điếu thuốc châm lửa hút khoan khoái. Người con gái nhìn anh mỉm cười âu yếm. Nàng biết anh rất ít hút thuốc, chỉ khi nào gặp điều hứng thú hoặc được ăn ngon, anh mới cho phép mình hưởng đặc ân đó. Khác với nàng, thường hút thuốc khi phải suy nghĩ hay lúc gặp chuyện bực mình.

Betty vói tay lấy lấy bao thuốc. Gói thuốc trống rỗng không còn một điếu. Thấy vậy, chàng lên tiếng:

- Anh quên nói với em, sáng nay vừa nhận được bưu phẩm của gia đình, trong đó có thư và thuốc lá của bố gửi cho. Tất cả anh còn để ngoài xe.

Cô gái reo lên mừng rỡ. Cô cảm ơn rồi nhanh nhẩu cầm chìa khóa xe bước ra ngoài. Trong lúc chàng trai đang lần giở từng trang sách cũ, chăm chú đọc với vẻ thích thú.

Khi ra đến bên ngoài, cô gái bỗng nghe có tiếng kêu la huyền não, tiếng chân chạy loạn trên hè phố, chỗ bày bán đồ cũ. Những người chiếm dụng lề đường bất hợp pháp đang gấp rút thu dọn đồ đạc vào các tấm vải bạt có quai, vác lên vai chạy trốn. Động tác của những con người tội nghiệp này rất nhà nghề và nhanh nhẹn. Có vậy họ mới kiếm được miếng cơm khi bị công an truy bắt.

Hình như có tiếng cãi nhau của cô gái ngay chỗ chiếc xe Volvo. Vài phút sau, cô bực dọc bước trở vô quán. Theo

sau là hai người đàn ông mặc sắc phục công an mang súng ngắn, tay cầm dùi cui, mặt đằng đằng sát khí. Một người dẫn mạnh tay lên bàn, giọng hằn học:

- Một lần nữa chúng tôi yêu cầu cô nộp sách và xuất trình giấy tờ tùy thân. Cách mạng sẽ khoan hồng cho ai biết tự giác, hối lỗi nhưng ngược lại sẽ nghiêm trị xứng đáng kẻ nào cứng đầu, ngoan cố.

Chợt nhìn thấy chàng thanh niên đang cầm trên tay quyển sách đọc dở, người công an chồm tới giật mạnh. Quyển sách cũ đứt tung gáy, từng trang giấy ó vàng rơi lả tả xuống nền nhà in đầy những vết dếp râu bần thỉu của hai con người đang thi hành luật pháp. Chàng trai bật đứng dậy, mặt đỏ bừng tức giận nhưng vẫn cố giữ bình tĩnh nói:

- Yêu cầu hai ông không được quyền hành xử thô bạo. Đưa nắm giấy vừa giật được, tên công an cười gằn:

- Từ đên đít rồi mà còn đòi dân chủ. Lần này các ông sẽ cho chúng mày biết cái giá phải trả của những tên biệt kích văn hóa phản động.

Lời nói xác xược, đầy vẻ hăm dọa chụp mũ, mang âm sắc nặng nề, trợ trợ khó nghe của miền đất đã sinh ra một lãnh tụ cuồng vọng, hiếu chiến đầy tội lỗi. Họ không ngờ những lời đồn đãi tưởng là bịa đặt về tác phong, đạo đức của công an lại là sự thật.

Ly tan, mất mát, lạc hậu, nghèo đói vốn là hậu quả tất nhiên của chiến tranh, nhưng chấm dứt chiến tranh rồi thì mọi người dân phải được yêu thương, đối xử bình đẳng. Có vậy dân mới hết lòng xây dựng lại quê hương vì đó là nghĩa vụ thiêng liêng cao quý của người yêu nước. Thế mà hai sự việc, hai hình ảnh trái nghịch lại đang xảy ra trước mắt. Một đảng là kẻ có quyền uy tự cho phép mình được hưởng thụ những thứ hiếm quý, trong khi người dân làm than cơ cực phải tìm sống lây lất bên vỉa hè mà vẫn bị truy bức; Một

đàng khác là những kẻ muốn chứng tỏ quyền uy của mình bằng bạo lực, bắt kẻ thị phi hay nhân tâm tình người.

Bên ngoài bỗng có tiếng quát tháo hòa lẫn tiếng khóc lóc van xin náo loạn hẳn lên. Đàn bà và trẻ em chậm chân không may bị bắt, bị tống lên xe cây cùng với tang vật. Những ai giằng co chống lại không chịu lên xe, bị đám công an đánh đập bằng dùi cui không nương tay. Tiếng kêu khóc nhưc nhói.

Không còn chịu đựng nổi trước cảnh bất công và thương cảm tận mắt chứng kiến, đôi thanh niên cùng lúc xô cửa xông ra ngoài. Họ quyết định nhập cuộc để đòi hỏi công lý, yêu cầu công an ngừng tay đàn áp. Họ kéo vội những đứa trẻ và phụ nữ bị đánh ra đàng sau, phần họ đứng che chắn phía trước, trực diện đối mặt với những tên hung thần ác sát. Sự xuất hiện bất ngờ của đôi trai gái bảnh bao làm đám công an bị khựng lại. Cùng lúc hai tên ở trong quán ăn cũng vừa theo ra đến nơi, chúng quát to: « Đó là hai tên biệt kích văn hóa. Bằng chứng đã có đây, các đồng chí hãy mau bắt lấy chúng.» Nghe lời đồng bọn, bọn công an tiếp tục tấn công. Dùi cui của chúng vung lên, đám dân lành ngã dúi dụi. Sức yếu thế cô, cuối cùng người thanh niên bị họ đánh ngã, khóa tay. Cô gái và các phụ nữ, trẻ em bị chúng dùng roi điện dồn lên xe, giải thẳng về Sở công an thành phố.

4- Tối hôm đó tại cơ quan an ninh, người hỏi cung đôi thanh niên trí thức là một trong hai người đàn ông nước da tái tái xuất hiện ở quán ăn trên chiếc Toyota đời mới. Thì ra ông ta là sếp lớn của công an. Người đàn ông quyền lực này chứng kiến tường tận mọi việc và tin vào lời bà chủ quán kể, nên bỏ ngang bữa nhậu với các đồng chí thân mến, vội vã trở về cơ quan để thẩm vấn tội phạm, bắt kẻ giờ giấc đêm hôm. Ông ta chắc mẩm phen này lập công lớn, bắt được hai tên tình báo gián điệp từ nước ngoài trở về hoạt động âm lậ

đổ chính quyền. Đôi mắt ông nổi đầy gân máu, mồm nồng nặc mùi rượu, bước đi xiêu vẹo. Ông đập bàn chỉ tay vào mặt đôi nam nữ lớn tiếng thóa mạ và trói buộc họ những tội danh ghê gớm. Nào là phản bội tổ quốc, nào là bám đất đế quốc... vân vân và vân vân. Hai thanh niên cương quyết phủ nhận lời vu khống. Cô gái lên tiếng chỉ trích hành động tàn bạo của công an và đòi phải đưa họ đi bệnh viện cấp cứu, nhất là chàng thanh niên, cánh tay sưng to vì bị đánh bằng dùi cui.

Cảnh truy cung, tra hỏi kéo dài mấy tiếng đồng hồ vẫn không đem lại kết quả. Mệt mỏi, tên thủ trưởng lạnh lùng ký lệnh tổng giam hai người vào ngục tối chờ điều tra tiếp. Nhìn đôi nam nữ lầm lũi bước vào phòng giam, ánh mắt họ đầy vẻ chán nản và thất vọng, người ta hiểu ngay rằng nhà cầm quyền hiện hữu đã hoàn toàn đánh mất thiện cảm và niềm tin trong lòng hai người trẻ tuổi đầy nhiệt tình này ngay từ lúc này.

5- Thành phố đã lên đèn. Những âm ba vang động từ đường phố náo nhiệt vọng vào tận đến nhà giam. Ngồi trong căn phòng tù chật chội, hôi hám, đầy ruồi muỗi kinh khiếp, người thanh niên phải tựa vào tường, gồng mình cố chịu đựng những cơn đau nhức như những lằn roi điện quất thẳng vào não. Anh nghĩ thầm, xương tay có thể bị gãy. Thời gian chậm chạp trôi qua. Cơn đau càng lúc càng tăng. Anh thấy nóng, mồ hôi vã ra như tắm. Lát sau lại thấy lạnh, lạnh phát run lên. Không chịu nổi, anh cất tiếng gọi người cai tù. Có nhiều lần nhưng vô ích. Tiếng anh vang động rồi tan loãng qua những bức tường giam âm u, mờ mờ ánh điện vàng vọt. Vẳng đâu đây có tiếng thở dài não nuột, ai oán của những người tù nhớ nhà, nhớ tết. Cứ thế, thời gian trong nhà tù Xã hội chủ nghĩa nhận sâu người thanh niên vào mớ cảm giác bênh bồng, hỗn loạn của những cơn sốt cao độ. Người anh

là đi, tai ù lên. Anh từ từ chìm vào cơn mê sáng.

Không biết đến bao lâu, bỗng có tiếng khua động lêng kêng của dây xích sắt kéo trên cánh cửa tù vừa được mở ra. Có thêm tù mới, anh mơ mơ màng màng nghĩ thế. Mãi tới lúc có ánh đèn pin chiếu sáng lòa vào người, anh mới giật mình chột tỉnh. Tiếng cai tù gọi tên anh bảo ra ngoài. Anh ôm cánh tay đau gượng đứng lên, bước lảo đảo ra khỏi nơi tăm tối của cuộc đời. Trong trạng thái mơ hồ, anh lờ mờ nghe có tiếng nói và nhiều bóng người ló nhỏ. Một cô gái bỏ nhào đến ôm chặt anh, bật khóc nức nở. Anh nhận ra đó là Betty. Một người đàn ông da trắng cao lớn, đứng tuổi, có bộ râu quai nón bước vội đến, vừa kịp giữ anh khỏi ngã. Ông đặt tay lên trán anh rồi nói nhanh bằng tiếng Pháp: “Phải đưa Francois đi bệnh viện cấp cứu gấp. Anh ta đang bị sốt cao độ.” Người thanh niên trước khi lịm vào cơn mê vẫn còn kịp nhận ra tiếng nói của ông già Bernard, người đại diện chính thức của Trung tâm Unesco, được kẻ chủ nhà cầm quyền cộng sản mời đến để nghiên cứu lịch sử và phục hoạt nền văn hóa Việt Nam sau chiến tranh.

6-Bất tay chào từ giã những người bạn đồng nghiệp đa-quốc-gia của Trung tâm Đặc trách nghiên cứu Văn hóa Liên hiệp Quốc, đôi thanh niên nam nữ Việt Nam lên đường trở về Pháp. Khác với lần về thăm quê hương trước năm 75, lần này Betty và Francois ra đi mà lòng trĩu nặng nỗi buồn mênh mang.

Cùng tốt nghiệp tiến sĩ nhân văn học, chuyên khoa lịch sử Đông phương, cả hai đã đi đến nhiều quốc gia Châu Á làm công việc chuyên môn và họ trở thành đôi vợ chồng người Pháp gốc Việt.

Sau chiến tranh, nước VNDCCH được ủy ban phục hồi văn hóa thế giới Unesco tài trợ một ngân sách; Và theo lời đề nghị của ông già Bernard, trưởng ban điều hành trung

tâm văn hóa Thái bình Dương, nhà nước Cộng sản Việt Nam đã khản khoản thỉnh cầu hai vợ chồng Francois và Betty trở về quê hương làm việc giúp họ, vì sự hiểu biết lịch sử uyên bác và thông thạo tiếng mẹ đẻ của hai người.

Áp ủ ước muốn cao đẹp phục hoạt lại nền lịch sử, giáo dục và văn hóa quê hương với những tác phẩm giá trị, những thiên sử thi tầm cỡ mang đậm nét dân tộc tính, nên cả hai đã nhận lời. Đôi vợ chồng trẻ được phép đi đến mọi miền đất nước, được quyền thu thập, trưng dụng và nghiên cứu tất cả các tài liệu, sách vở, báo chí, phim ảnh ... không loại trừ thời đại, chế độ, thể chế chính trị để thống kê, đúc kết và hoàn tất sử liệu quốc gia. Tình yêu, tài năng, tâm huyết và hoài bão xây dựng lại quê mẹ sau chiến tranh, thúc đẩy hai người tuổi trẻ bất chấp gian khổ, kiên trì đi khắp mọi nơi để gộp nhặt những tác phẩm văn học của đời còn rơi rớt lại, sưu tầm những sự kiện lịch sử, thân thể và sự nghiệp của các vị anh hùng dân tộc ... và họ đã phải đôi đầu với biết bao khó khăn, trở ngại khi tiếp xúc làm việc với những cán bộ cách mạng thiên cận, hẹp hòi, ít học nhưng đầy định kiến, đố kỵ và quan liêu. Họ đã viện dẫn nhiều lý do để tự an ủi, dần tâm bỏ qua tất cả. Họ hết lòng với quê hương, với dân tộc.

Tuy nhiên lần này thì khác. Sự việc xảy ra có tầm mức quá nghiêm trọng. Francois thăm nghĩ: «Giá hôm đó Betty cũng giống như anh, quên mang theo thẻ chứng minh công tác của Ban Lịch sử Trung ương cấp và ông già Bernard không có mặt tại văn phòng liên lạc để xác minh cho hai người thì hậu quả sẽ rất bi đát, có thể dẫn đến chết người do cơn sốt đột biến hoặc cánh tay sẽ bị tàn phế vĩnh viễn vì không được cứu chữa kịp thời». Đại diện trung ương đảng Cộng sản tại Hà Nội và thường vụ đảng ủy Sài Gòn đã có mặt ngay ngày hôm sau để xin lỗi và bồi thường.

Tên thủ trưởng kiêu ngạo và các nhân viên công an hà hiệp dân lành bị ngưng việc tức khắc và nhận lãnh kỷ luật tối đa hầu làm hạ cơn giận của ông già Bernard và vợ chồng Francois-Betty. Nhưng, mặc những lời van xin, năn nỉ i ôi của tay thủ trưởng và những tên công an đánh người, hai vợ chồng Francois cương quyết hủy bỏ hợp đồng có lý do chính đáng trước thời hạn, để trở về Pháp với cánh tay bó bột treo toòng teng trước ngực.

Hôm tiễn đưa tại phi trường, có mặt đông đảo những nhà khoa học trong và ngoài nước, trước những người lãnh đạo đất nước VN hiện tại, Francois phát biểu: *“Điều nguy hiểm nhất cho dân tộc chúng ta là bị đóng cũi quá lâu trong một chế độ khép kín, chỉ do một guồng máy quyền lực độc đoán thống trị. Một quốc gia trong thời loạn có thể cần thiết một nền cai trị bá đạo để nắm giữ quyền lực và bảo vệ thành quả. Nhưng một khi đã chấm dứt chiến tranh, hòa bình được lập lại rồi, thì nên áp dụng một thể chế chính trị vương đạo. Tự do, dân chủ, tôn trọng đạo đức, thực thi quyền dân sinh thì tổ quốc sẽ phồn vinh, dân tộc được an lạc, quê hương sớm loại bỏ những hậu quả khốc liệt do chiến tranh gây ra và chắc chắn còn để lại nhiều di chứng dài lâu. Đó mới chính là đặc sách. Ngược lại khi chiến tranh chấm dứt, thanh bình đã vãn hồi rồi mà các ông vẫn còn tiếp tục áp đặt nền cai trị bá đạo lên đầu dân thì chẳng khác nào đã đẩy dân tộc đi đến một thảm họa khác, còn khủng khiếp hơn cả sự hủy diệt của chiến tranh.”* Cuối lời phát biểu, Francois nêu ra trường hợp của anh là bài học cảnh giác cho các bạn đồng nghiệp, đồng thời cũng là lời cảnh tỉnh cho những con người may mắn có được chiến thắng bất ngờ.

7-Phi cơ nghiêng cánh đảo một vòng trên thành phố Sài Gòn như luyến lưu chào già biệt. Betty ngã vào lòng Francois trong dòng nước mắt thổn thức. Há chẳng phải cô vừa

mất đi tình yêu quê hương dân tộc, một thứ tình cảm thiêng liêng trong tâm hồn thanh cao của người con gái trí thức Việt Nam sống ly hương đó sao? Betty hụt hẫng, thất vọng như tâm trạng một cô gái dậy thì đang háo hức được yêu bỗng dung bị tước đoạt mất đi tình yêu. Cứ nghĩ là sẽ chẳng bao giờ trở lại quê hương, cô cảm thấy quặn thắt, đau nhói trong lòng.

Francois cũng đang suy nghĩ về những kẻ có trách nhiệm lèo lẻo nghèo, lạc hậu và sự đe dọa sinh tử của bá quyền phương Bắc. Họ đang lo toan hay vẫn an nhiên thụ hưởng những thứ quyền lực và tài sản sẵn có, mặc kệ nỗi khát khao tự do, no ấm, bình an của dân tộc luôn bị áp bức, thống khổ?

Còn nữa, còn những người bạn chuyên gia của họ. Những con người cao quý từ năm châu bốn bể đến Việt Nam giúp chủ nhà viết trang lịch sử. Họ là những kẻ có trí tuệ, thừa tâm huyết, đầy đủ nghị lực và hết lòng tận tụy với công việc lợi ích chung của nhân loại, liệu họ có kiên nhẫn chịu đựng nỗi khi phải làm việc và sống chung với một bầy lang sói mang mặt nạ người? hay rồi cũng phải ra đi như vợ chồng anh?

Francois và Betty cúi nhìn quê hương thân yêu đang khoác chiếc áo mùa xuân xinh đẹp, lòng họ trầm nghĩ, mùa Xuân sẽ không bao giờ trở lại nếu tổ quốc vẫn còn tiếp tục bị nhuộm đỏ./-

Lê Luyến